

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Căn cứ Điều 34 Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Điều 22 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Di sản văn hóa;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định nội dung, thẩm quyền thẩm định thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi là thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích), thiết kế bản vẽ thi công bảo quản hiện vật, đồ thờ (sau đây gọi là thiết kế bản vẽ thi công bảo quản hiện vật); thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi là thi công tu bổ di tích); tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích; tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ công trình xây dựng, địa điểm, cảnh quan thiên nhiên, khu vực thiên nhiên đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích của địa phương (sau đây gọi là đối tượng kiểm kê di tích).

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài khi tiến hành lập, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích; thi công tu bổ di tích; tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hạ giải di tích* là hoạt động tháo rời toàn bộ hoặc một số cấu kiện, thành phần kiến trúc của một di tích nhằm mục đích bảo quản, tu bổ mà vẫn giữ gìn tối đa sự nguyên vẹn các cấu kiện, thành phần kiến trúc của di tích đó.
2. *Gia cố, gia cường di tích* là biện pháp làm tăng sự bền vững và ổn định của di tích hoặc các bộ phận của di tích.
3. *Phục chế các thành phần bị hỏng, bị mất của di tích* là hoạt động tạo ra sản phẩm mới theo nguyên mẫu về chất liệu, hình thức và kỹ thuật để thay thế thành phần bị hỏng, bị mất của di tích.
4. *Tôn tạo di tích* là hoạt động nhằm tăng cường khả năng sử dụng, khai thác và phát huy giá trị di tích nhưng không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích.
5. *Tu sửa cấp thiết di tích, đối tượng kiểm kê di tích* là hoạt động sửa chữa mà không phải tháo rời toàn bộ cấu kiện, thành phần kiến trúc hoặc chống đỡ, gia cố, gia cường tạm thời để ngăn chặn di tích, đối tượng kiểm kê di tích khỏi bị sập đổ, hủy hoại.
6. *Bảo quản định kỳ di tích, đối tượng kiểm kê di tích* là việc sử dụng các biện pháp nghiệp vụ, khoa học, kỹ thuật theo chu kỳ thời gian nhằm ngăn ngừa và loại trừ các tác nhân gây xuống cấp di tích, đối tượng kiểm kê di tích.

Điều 3. Nguyên tắc trong hoạt động thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, về xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Được lập trên cơ sở nghiên cứu, xác định đặc điểm, giá trị, tình trạng kỹ thuật, kết quả khảo sát liên quan đến di tích và phải tuân thủ thiết kế cơ sở của dự án tu bổ di tích đã được phê duyệt.
3. Ưu tiên sử dụng các giải pháp kỹ thuật truyền thống (trường hợp giải pháp kỹ thuật truyền thống không đáp ứng yêu cầu về tu bổ di tích thì được áp dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ hiện đại phù hợp, đã được kiểm nghiệm trong thực tế và không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc, giá trị của di tích). Ưu tiên bảo quản, gia cố, gia cường di tích trước khi áp dụng phương án tu bổ, phục hồi di tích.
4. Được điều chỉnh, bổ sung khi có phát sinh, phát hiện mới về di tích.
5. Thường xuyên tham vấn ý kiến nhân chứng lịch sử, chuyên gia, nghệ nhân và cộng đồng dân cư nơi có di tích.

Điều 4. Nguyên tắc trong hoạt động thi công tu bổ di tích

1. Tuân thủ thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích đã được phê duyệt, quy định về quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng thi công, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Ưu tiên sử dụng phương pháp thi công truyền thống, chú trọng bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành di tích, bảo vệ cấu kiện, thành phần kiến trúc trong suốt quá trình thi công tu bổ di tích.
3. Được thực hiện dưới sự giám sát của cộng đồng dân cư nơi có di tích; thường xuyên tham vấn ý kiến nhân chứng lịch sử, chuyên gia, nghệ nhân và cộng đồng dân cư nơi có di tích.
4. Trường hợp điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích, chủ đầu tư dự án tu bổ di tích phải xem xét điều chỉnh thời gian thi công tu bổ di tích để đảm bảo chất lượng công trình.
5. Ghi nhận đầy đủ mọi hoạt động đã thực hiện tại công trường trong Nhật ký công trình và Hồ sơ hoàn công.
6. Bảo đảm an toàn cho di tích và khách tham quan.

Chương II

NỘI DUNG, THẨM QUYỀN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG TU BỔ DI TÍCH

Điều 5. Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích

Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích được lập thành hồ sơ, bao gồm:

1. Báo cáo kết quả khảo sát di tích.
2. Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.
3. Ảnh di tích.
4. Bản vẽ thi công tu bổ di tích.
5. Dự toán chi phí tu bổ di tích.
6. Phụ lục tài liệu có liên quan.

Điều 6. Báo cáo kết quả khảo sát di tích

Báo cáo kết quả khảo sát di tích phải đáp ứng yêu cầu báo cáo khảo sát xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và nêu rõ các nội dung sau:

1. Tổng hợp tư liệu phục vụ lập báo cáo kết quả khảo sát di tích.

2. Kết quả khảo sát tổng thể di tích:

- a) Vị trí, mối liên hệ vùng, địa hình, không gian, môi trường cảnh quan di tích;
- b) Bản đồ khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích; phân tích hiện trạng sử dụng đất và xác định các tác động ảnh hưởng đến không gian, cảnh quan di tích;
- c) Bố cục mặt bằng tổng thể di tích; lập danh sách và phân tích lịch sử xây dựng, tu bổ các hạng mục công trình di tích; phân tích kết quả thăm dò, khai quật khảo cổ (nếu có); hệ thống hiện vật ngoại thất, cảnh quan và kỹ thuật hạ tầng di tích;
- d) Hoạt động văn hóa có liên quan đến di tích.

3. Kết quả khảo sát hạng mục công trình di tích được tu bổ:

- a) Mô tả mặt bằng, hình thức kiến trúc, kết cấu, vật liệu xây dựng công trình;
- b) Phân tích, xác định các yếu tố gốc cấu thành di tích và các thành phần mới bổ sung;
- c) Phân tích, xác định tình trạng kỹ thuật và nguyên nhân gây hỏng, xuống cấp công trình;
- d) Phân tích, xác định các tác động tiêu cực từ môi trường và các tác nhân gây hại khác ảnh hưởng đến công trình;
- đ) Hiện trạng bài trí nội thất, số lượng hiện vật, đồ thờ, tình trạng bảo tồn và nguyên nhân xuống cấp của hiện vật, đồ thờ.

4. Thực trạng bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

5. Định hướng hồ sơ, tư liệu phải tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm trong quá trình thi công tu bổ di tích để phục vụ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (nếu có).

Điều 7. Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích

Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích phải đáp ứng yêu cầu về thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và nêu rõ các nội dung sau:

- 1. Căn cứ pháp lý và cơ sở khoa học.
- 2. Phân tích sự biến đổi của di tích qua các thời kỳ để xác định yếu tố gốc cấu thành di tích cần bảo tồn.
- 3. Mô tả hiện trạng tổng thể di tích, công trình di tích được tu bổ; đánh giá tình trạng kỹ thuật, vật liệu xây dựng, trang trí mỹ thuật, khả năng sử dụng của từng cấu kiện, thành phần kiến trúc của công trình di tích được tu bổ; phân tích kết quả thăm dò, khai quật khảo cổ (nếu có).

4. Phân tích, chỉ rõ nguy cơ, nguyên nhân gây hỏng, xuống cấp di tích.

5. Đề xuất giải pháp thiết kế tu bổ di tích, bao gồm:

a) Giải pháp hạ giải di tích (trong trường hợp cần thiết);

b) Giải pháp bảo vệ hiện vật di chuyển được và không di chuyển được;

c) Giải pháp tu bổ công trình di tích (nêu rõ giải pháp kỹ thuật và vật liệu tu bổ từng loại cấu kiện, thành phần kiến trúc; giải pháp phòng, chống cháy, nổ, mối, mọt và các tai họa bất thường khác);

d) Giải pháp xây dựng nhà bao che phục vụ thi công tu bổ di tích, nhà bảo quản cấu kiện, thành phần kiến trúc phải hạ giải;

đ) Giải pháp phục hồi, tôn tạo cảnh quan, xây dựng công trình mới phục vụ việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích, hệ thống kỹ thuật hạ tầng, phòng, chống cháy, nổ, mối, mọt và các tai họa bất thường khác;

e) Giải pháp tổ chức thi công.

Điều 8. Ảnh di tích

Ảnh di tích bao gồm:

1. Ảnh tư liệu liên quan đến lịch sử hình thành, quá trình tồn tại, biến đổi và các lần tu bổ di tích (nếu có).

2. Bộ ảnh hiện trạng di tích tại thời điểm khảo sát, in màu, kích thước 10 x 15 cm trở lên, chụp tổng thể cảnh quan và chi tiết kiến trúc - nghệ thuật, hiện vật, đồ thờ của công trình di tích được tu bổ, phù hợp với Báo cáo kết quả khảo sát di tích quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 9. Bản vẽ thi công tu bổ di tích

Bản vẽ thi công tu bổ di tích bao gồm:

1. Bản vẽ tư liệu liên quan đến lịch sử hình thành, quá trình tồn tại, biến đổi và các lần tu bổ di tích (nếu có).

2. Bản vẽ hiện trạng di tích, bao gồm:

a) Bản vẽ xác định vị trí di tích trên bản đồ hành chính cấp tỉnh, thể hiện đường đến di tích từ trung tâm hành chính cấp tỉnh;

b) Bản vẽ mặt bằng tổng thể di tích, mặt cắt tổng thể di tích, tỷ lệ 1/500, thể hiện hướng của di tích, các khu vực tiếp giáp di tích, lịch sử hình thành các công trình kiến trúc hiện có, dấu vết nền

móng hoặc bộ phận của công trình kiến trúc đã mất, hệ thống hiện vật, đồ thờ ngoại thất, cảnh quan và kỹ thuật hạ tầng;

c) Bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt của công trình di tích được tu bổ, tỷ lệ 1/50, có chú thích về niên đại, vật liệu, màu sắc và tình trạng kỹ thuật của từng loại cấu kiện, thành phần kiến trúc;

d) Bản vẽ chi tiết cấu kiện, thành phần kiến trúc điển hình của công trình di tích được tu bổ, tỷ lệ 1/50 - 1/20;

đ) Bản vẽ sơ đồ bài trí hiện vật, đồ thờ nội thất của công trình di tích được tu bổ, tỷ lệ 1/100.

3. Bản vẽ giải pháp tu bổ di tích, bao gồm:

a) Bản vẽ quy hoạch mặt bằng tổng thể di tích, mặt cắt tổng thể di tích, tỷ lệ 1/500, có chú thích hạng mục công trình di tích được tu bổ, công trình được tôn tạo, xây dựng mới phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích;

b) Bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt của công trình di tích được tu bổ, tỷ lệ 1/50, nêu rõ giải pháp kỹ thuật và vật liệu tu bổ của từng loại cấu kiện, thành phần kiến trúc;

c) Bản vẽ chi tiết giải pháp kỹ thuật tu bổ đối với từng loại cấu kiện, thành phần kiến trúc, tỷ lệ 1/50 - 1/20, chỉ định vị trí, quy cách đánh dấu niên đại vật liệu xây dựng mới đưa vào di tích nhằm phân biệt với yếu tố gốc cấu thành di tích;

d) Bản vẽ công trình được tôn tạo, xây dựng mới phục vụ việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích và hệ thống kỹ thuật hạ tầng, phòng, chống cháy, nổ, mối, mọt và các tai họa bất thường khác;

đ) Bản vẽ nhà bao che phục vụ thi công tu bổ di tích, nhà bảo quản cấu kiện, thành phần kiến trúc phải hạ giải;

e) Bản vẽ tổ chức thi công tu bổ di tích thể hiện các nội dung: vị trí các kho bảo quản cấu kiện, thành phần kiến trúc; khu vực thi công tu bổ cấu kiện, thành phần kiến trúc; vị trí thiết bị phòng cháy, chữa cháy; khu vực tập kết cấu kiện, thành phần kiến trúc không còn khả năng sử dụng; vị trí tập kết vật liệu xây dựng mới, dự kiến đưa vào công trình; nội dung, quy cách và vị trí lắp đặt nội quy công trường; phương án tổ chức hoạt động của di tích trong quá trình thi công;

g) Bản vẽ mô tả quy trình kỹ thuật thi công đặc biệt (nếu có).

Điều 10. Dự toán chi phí tu bổ di tích

Dự toán chi phí tu bổ di tích được lập theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Luật Xây dựng; hướng dẫn xác định chi phí, định mức dự toán bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các quy định pháp luật và văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 11. Phụ lục tài liệu có liên quan

Phụ lục tài liệu có liên quan đến thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích bao gồm:

1. Bản vẽ thiết kế tu bổ di tích đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.
2. Bản sao các văn bản thẩm định, thẩm tra dự án, quyết định phê duyệt dự án.
3. Biên bản ghi ý kiến đóng góp của cộng đồng, tổ chức và cá nhân có liên quan về nội dung, giải pháp thiết kế.

Điều 12. Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản hiện vật

Trường hợp chỉ thực hiện nội dung bảo quản hiện vật thì hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công bảo quản hiện vật gồm các nội dung sau:

1. Thuyết minh thiết kế bảo quản hiện vật, bao gồm:

a) Căn cứ pháp lý và cơ sở khoa học;

b) Mô tả xuất xứ, hiện trạng và đánh giá niên đại, vật liệu, màu sắc, tình trạng kỹ thuật của hiện vật được bảo quản;

c) Phân tích nguyên nhân gây hỏng, xuống cấp hiện vật;

d) Đề xuất giải pháp bảo quản hiện vật (nêu rõ giải pháp kỹ thuật, vật liệu, màu sắc và các giải pháp phòng ngừa rủi ro).

2. Bộ ảnh tư liệu (nếu có) và ảnh chụp vào thời điểm khảo sát, in màu, kích thước 10 x 15 cm trở lên, thể hiện tình trạng kỹ thuật của hiện vật được bảo quản.

3. Bản vẽ thi công bảo quản hiện vật, bao gồm:

a) Bản vẽ vị trí hiện vật được bảo quản, tỷ lệ 1/200 - 1/100;

b) Bản vẽ tư liệu liên quan đến các lần bảo quản hiện vật (nếu có);

c) Bản vẽ hiện trạng chi tiết hiện vật được bảo quản, tỷ lệ 1/50 - 1/10 có chú thích về niên đại, vật liệu, màu sắc và tình trạng kỹ thuật;

d) Bản vẽ giải pháp chi tiết bảo quản hiện vật, tỷ lệ 1/50 - 1/10 (nêu rõ giải pháp kỹ thuật, vật liệu, màu sắc và các giải pháp phòng ngừa rủi ro);

đ) Bản vẽ mô tả quy trình kỹ thuật thi công bảo quản hiện vật (nếu có).

4. Dự toán chi phí bảo quản hiện vật.

Điều 13. Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích

1. Việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa đối với nội dung được quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích cấp tỉnh; có văn bản đề nghị Cục Di sản văn hóa tham gia ý kiến đối với thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị;

b) Cục Di sản văn hóa có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị.

2. Việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công bảo quản hiện vật được thực hiện như quy định đối với thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

Điều 14. Điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích

1. Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích được điều chỉnh, bổ sung khi có phát sinh, phát hiện mới về di tích trong quá trình thi công tu bổ di tích. Việc điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích phải phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của dự án tu bổ di tích đã được phê duyệt.

2. Hồ sơ điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích bao gồm:

a) Thuyết minh nội dung điều chỉnh, bổ sung;

b) Ảnh in màu, kích thước 10 x 15 cm trở lên;

c) Bản sao bản vẽ giải pháp tu bổ di tích đã được phê duyệt liên quan đến nội dung điều chỉnh, bổ sung;

d) Bản vẽ hiện trạng và bản vẽ giải pháp điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích;

đ) Biên bản của Hội đồng đánh giá di tích quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Thông tư này;

e) Dự toán điều chỉnh, bổ sung.

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và d khoản này phải thể hiện rõ những phát sinh, phát hiện mới về di tích.

3. Việc thẩm định điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

4. Việc điều chỉnh, bổ sung và thẩm định điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công bảo quản hiện vật được thực hiện như quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Chương III

THI CÔNG TU BỔ DI TÍCH

Điều 15. Chuẩn bị thi công tu bổ di tích

Chủ đầu tư dự án tu bổ di tích chủ trì, phối hợp với tổ chức thi công tu bổ di tích thực hiện các công việc sau:

1. Thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Văn hóa - Thông tin, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có di tích về phương án bảo vệ di tích và kế hoạch thực hiện dự án tu bổ di tích, thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.
2. Tổ chức tuyên truyền trong nhân dân địa phương nơi có di tích và đội ngũ nghệ nhân, thợ lành nghề tham gia thi công tu bổ di tích về giá trị, mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi, nội dung dự án tu bổ di tích, thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.
3. Nhận bàn giao mặt bằng thực hiện dự án tu bổ di tích, thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.
4. Tổ chức công trường thi công tu bổ di tích đáp ứng yêu cầu an ninh, an toàn; xây dựng nhà bao che, nhà bảo quản cấu kiện (trong trường hợp phải tháo rời toàn bộ cấu kiện, thành phần kiến trúc di tích); thực hiện phương án bảo vệ hiện vật.
5. Xác định nguyên tắc, quy trình và giải pháp kỹ thuật dự phòng tu bổ cấu kiện, thành phần kiến trúc trong trường hợp phải hạ giải di tích.
6. Chuẩn bị vật liệu, nhân công, phương tiện, thiết bị phục vụ thi công và các công việc liên quan khác.

Điều 16. Thực hiện thi công tu bổ di tích

1. Chủ đầu tư dự án tu bổ di tích thực hiện các công việc sau:

a) Thành lập Hội đồng đánh giá di tích và ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng.

Thành phần Hội đồng gồm chủ đầu tư dự án tu bổ di tích, đại diện các tổ chức lập dự án tu bổ di tích, lập thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích, thi công tu bổ di tích, giám sát thi công tu bổ di tích, đại diện Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, đại diện Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, đại diện tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý di tích và chuyên gia thuộc các lĩnh vực có liên quan.

Hội đồng đánh giá di tích có nhiệm vụ kiểm tra kết quả công việc quy định tại khoản 2 Điều này. Kết quả làm việc của Hội đồng được lập thành biên bản.

b) Điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (nếu có) theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

c) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện việc phân loại, lựa chọn cấu kiện, thành phần kiến trúc có giá trị nhưng bị xuống cấp nghiêm trọng không được sử dụng lại để bảo quản, trưng bày tại di tích hoặc tại Bảo tàng cấp tỉnh.

d) Phối hợp với tổ chức thi công tu bổ di tích và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức nghiệm thu, bàn giao, đưa di tích vào sử dụng và thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Tổ chức thi công tu bổ di tích thực hiện các công việc sau:

a) Trường hợp tu bổ tại chỗ hoặc tháo rời một số cấu kiện, thành phần kiến trúc:

- Bao che khu vực cấu kiện, thành phần kiến trúc cần tu bổ bảo đảm an toàn;

- Lập hệ thống ký hiệu các cấu kiện, thành phần kiến trúc trên bản vẽ và đánh dấu vào cấu kiện, thành phần kiến trúc tương ứng của di tích. Ký hiệu đánh dấu trên cấu kiện, thành phần kiến trúc không được làm ảnh hưởng đến đặc điểm, giá trị của cấu kiện, thành phần kiến trúc, được bảo vệ trong suốt quá trình thi công tu bổ di tích và để loại bỏ sau khi hoàn thành thi công tu bổ di tích. Chụp ảnh, ghi hình sau khi đánh dấu ký hiệu vào cấu kiện, thành phần kiến trúc;

- Phối hợp với chủ đầu tư, tổ chức tư vấn thiết kế, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng xác nhận tình trạng kỹ thuật của cấu kiện, thành phần kiến trúc;

- Thực hiện thi công tu bổ di tích theo nội dung thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích đã được phê duyệt.

b) Trường hợp phải tháo rời toàn bộ cấu kiện, thành phần kiến trúc:

- Xây dựng nhà bao che phục vụ thi công tu bổ di tích, nhà bảo quản cấu kiện, thành phần kiến trúc;

- Lập hệ thống ký hiệu các cấu kiện, thành phần kiến trúc trên bản vẽ và đánh dấu vào cấu kiện, thành phần kiến trúc tương ứng của di tích. Ký hiệu đánh dấu trên cấu kiện, thành phần kiến trúc không được làm ảnh hưởng đến đặc điểm, giá trị của cấu kiện, thành phần kiến trúc, được bảo vệ trong suốt quá trình thi công tu bổ di tích và để loại bỏ sau khi hoàn thành thi công tu bổ di tích. Chụp ảnh, ghi hình sau khi đánh dấu ký hiệu vào cấu kiện, thành phần kiến trúc;

- Hạ giải di tích theo quy định tại Điều 17 Thông tư này;

- Phối hợp với Hội đồng đánh giá di tích nghiên cứu, đánh giá tình trạng kỹ thuật cấu kiện, thành phần kiến trúc và phân loại, lựa chọn cấu kiện, thành phần kiến trúc có giá trị nhưng bị xuống cấp nghiêm trọng không được sử dụng lại để bảo quản, trưng bày tại di tích hoặc tại Bảo tàng cấp tỉnh;

- Thực hiện thi công tu bổ di tích theo nội dung hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích đã được phê duyệt, Biên bản của Hội đồng đánh giá di tích hoặc hồ sơ điều chỉnh, bổ sung thiết kế tu bổ di tích đã được phê duyệt.

3. Việc thi công bảo quản hiện vật thực hiện theo quy định tại điểm a (trong trường hợp cần thiết), điểm b, d khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 17. Hạ giải di tích

1. Việc hạ giải di tích chỉ được tiến hành khi hiện vật nội thất đã được di dời hoặc bao che tại chỗ bảo đảm an ninh, an toàn.

2. Trước khi hạ giải, các cấu kiện, thành phần kiến trúc phải được chụp ảnh, ghi hình, đánh dấu theo hệ thống ký hiệu đã lập trên bản vẽ; có phương án hạ giải và vị trí tập kết trong nhà bảo quản.

3. Trong khi hạ giải, các cấu kiện, thành phần kiến trúc phải được bảo vệ an toàn, gia cố tạm thời đối với vị trí có nguy cơ bị phá hủy và xác định phương án vận chuyển thích hợp.

4. Sau khi hạ giải, các cấu kiện, thành phần kiến trúc phải được làm sạch sơ bộ và phân loại, sắp xếp trong nhà bảo quản.

5. Quá trình hạ giải phải được lập thành hồ sơ (bản viết, bản ảnh, ghi hình), là một thành phần của Nhật ký công trình quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư này.

Điều 18. Nhật ký công trình và Hồ sơ hoàn công

1. Việc lập Nhật ký công trình và Hồ sơ hoàn công được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

2. Nhật ký công trình bao gồm:

a) Hồ sơ viết ghi chép toàn bộ quá trình thi công tu bổ di tích và những phát sinh, phát hiện mới về di tích trong quá trình thi công tu bổ di tích;

b) Hồ sơ ảnh, ghi hình di tích trong suốt quá trình thi công tu bổ di tích. Ảnh in màu, kích thước 10 x 15 cm trở lên;

c) Hồ sơ bản vẽ các phát hiện mới về di tích và vị trí, chi tiết các cấu kiện, thành phần kiến trúc được bảo quản, tu bổ hoặc phục chế.

3. Hồ sơ hoàn công bao gồm:

a) Hồ sơ ảnh di tích sau khi hoàn thành thi công tu bổ di tích;

b) Hồ sơ bản vẽ sau khi hoàn thành thi công tu bổ di tích.

4. Nhật ký công trình và Hồ sơ hoàn công phải được gửi đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng và Cục Di sản văn hóa (đối với di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia), trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày bàn giao, đưa công trình vào sử dụng.

Chương IV

TU SỬA CẤP THIẾT, BẢO QUẢN ĐỊNH KỲ DI TÍCH HOẶC ĐỐI TƯỢNG KIỂM KÊ DI TÍCH

Điều 19. Hồ sơ tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích

Hồ sơ tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích bao gồm:

1. Thuyết minh lý do tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ, nêu rõ tình trạng kỹ thuật và các nguy cơ gây xuống cấp, sập đổ, hủy hoại di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích; đề xuất phương án tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ.
2. Ảnh in màu, kích thước 10 x 15 cm trở lên, mô tả hiện trạng xuống cấp của di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích tại thời điểm lập hồ sơ.
3. Bản vẽ phương án tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ.
4. Khái toán chi phí tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ.

Điều 20. Thực hiện tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích

1. Việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao.
2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với hồ sơ tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị.
3. Việc thực hiện tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích có sự tham gia của tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện hành nghề thi công tu bổ di tích, có sự giám sát của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, đại diện tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích và đại diện Ban Giám sát đầu tư cộng đồng.
4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ khi hoàn thành việc tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về nội dung và kết quả tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ; đối

với di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia, phải báo cáo bằng văn bản về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Cục Di sản văn hóa có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.
2. Cơ quan thanh tra văn hóa, thể thao và du lịch tiến hành thanh tra, xử lý theo thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2020.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
3. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải trình duyệt lại; các nội dung công việc tiếp theo thực hiện theo quy định tại Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGDNTNNĐ của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Cơ quan TW của các Hội, đoàn thể;
- Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở VHTTDL, Sở VH TT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ;
- Website Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, PC, DSVH (03). NMK350.

Nguyễn Ngọc Thiện

